

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Tầng 4- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 298 244 Fax: (028) 38 298 245

Email: thepnhabe@nbsteel.vn – Website: www.nbsteel.vn



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019

TÔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Tầng 4- 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 298 244 Fax: (028) 38 298 245

Email: thepnhabe@nbsteel.vn – Website: www.nbsteel.vn



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
Ngày 27 tháng 3 năm 2019

1. PHẦN NGHI THỨC

- 8h00' – 8h30' ▪ Đón tiếp cổ đông
- 8h30' – 8h35' ▪ Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
- 8h35' – 8h40' ▪ Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
- 8h40' – 8h45' ▪ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty khai mạc Đại hội, thông qua danh sách đoàn Chủ tịch, chỉ định thư ký Đại hội và bầu Ban kiểm phiếu

2. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- 8h45' – 8h50' ▪ Thông qua chương trình nghị sự, Quy chế Đại hội
- 8h50' – 9h05' ▪ Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019
- 9h05' – 9h15' ▪ Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 9h25' – 9h50' ▪ Báo cáo các tờ trình Đại hội:
- Phân phối lợi nhuận sau thuế 2018
- Thù lao HĐQT & BKS
- Kế hoạch SXKD-tài chính- tiền lương- đầu tư
- Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2019
- 9h50' – 10h10' ▪ Giải lao
- 10h10' – 10h45' ▪ Thảo luận, chất vấn và giải đáp
- 10h45' – 11h00' ▪ Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình của Đại hội
- 11h00' – 11h10' ▪ Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội
- 11h10' – 11h15' ▪ Thông qua biên bản Đại hội
- 11h15' – 11h20' ▪ Tổng kết và Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2018 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2019

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018

a/ Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018

- Kế hoạch:

- + Về thép cán: sản xuất tiêu thụ 150.000 tấn
- + Doanh thu: 2.012 tỷ
- + Lợi nhuận trước thuế: 12 tỉ

- Kết quả thực hiện:

- + Thép cán: Sản xuất 171.907 tấn, đạt 114,60% kế hoạch,
Tiêu thụ 151.964 tấn, đạt 101,31% kế hoạch.
- + Doanh thu: 2.099 tỷ, đạt 104,3% kế hoạch
- + Lợi nhuận trước thuế: 17,764 tỉ, đạt 148,03% kế hoạch

Trong năm, Công ty ghi nhận thêm khoản thu nhập khác 14,008 tỷ đồng là tiền đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời nhà máy từ TP. HCM về Nhơn Trạch.

b/ Về dự án “Bổ sung công đoạn luyện phôi thép công suất 150.000 tấn sản phẩm/ năm”: Công ty đã báo cáo công ty mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam và có văn bản chấp thuận dừng triển khai dự án.

2. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

a/ Phân công nhiệm vụ các thành viên

Hội đồng quản trị có 5 thành viên và được phân công như sau:

- Ông Nguyễn Văn Chánh - Chủ tịch chuyên trách HĐQT, chịu trách nhiệm chung và xây dựng các chính sách phát triển cho Công ty.

- Ông Lê Việt - Tổng giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển tài sản của Công ty.

- Bà Đặng Thị Linh (thành viên không điều hành), Phó ban Quản lý đầu tư Tổng Công ty Thép Việt Nam, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn Tổng Công ty trong vấn đề đầu tư, kinh doanh, phát triển doanh nghiệp.

- Ông Lê Xuân Anh (thành viên không điều hành), Trưởng ban Tổ chức Nhân sự Tổng Công ty Thép Việt Nam, chịu trách nhiệm phối hợp giữa HĐQT Công ty với các ban chuyên môn Tổng Công ty về công tác nhân sự, tiền lương.

- Ông Trương Bá Liêm (thành viên không điều hành) cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty, phối hợp hoạt động giữa Công ty CP Thép Nhà Bè và Công ty CP kim khí TPHCM để phát huy lợi thế trong SX-KD.

b/ Thù lao của các thành viên HĐQT

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2018 và Nghị định 51/2013/NĐ-CP của Chính phủ, thù lao và lương của các thành viên đã được chi trả trong năm như sau:

- Các thành viên không chuyên trách hưởng thù lao 4.000.000 đ/tháng
- Lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách 40.000.000 đ/tháng
- Lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách 27.000.000 đ/tháng

c/ Ban hành các quy chế hoạt động

Trong năm Hội đồng quản trị đã cập nhật và ban hành các quy chế, có hiệu lực từ 01/3/2019: Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế tài chính; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế tiền lương; Quy chế mua sắm vật tư; Quy chế tiêu thụ sản phẩm thép.

c/ Các cuộc họp HĐQT

Từ đại hội cổ đông thường niên tháng 3/2018 đến nay, Hội đồng quản trị đã trải qua 4 cuộc họp định kỳ với các nội dung: kiểm điểm đánh giá kết quả SX-KD các quý trong năm 2018, thông qua các biện pháp về quản trị công ty.

- Các cuộc họp HĐQT được tiến hành đúng thủ tục, đảm bảo quy chế làm việc và ban hành nghị quyết để tổ chức thực hiện hàng quý.

d/ Đánh giá khả năng thực hiện nhiệm vụ của HĐQT

Mặc dù trong năm 2018 còn nhiều khó khăn, các thành viên HĐQT đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh-tiếp thị, chiến lược đầu tư,...do điều kiện đặc thù của Công ty, Hội đồng quản trị đã cố gắng thực hiện chức trách được giao. Với sự nỗ lực của tập thể CBCNV và tinh thần trách nhiệm cao của Ban điều hành, năm 2018 Công ty đã duy trì SXKD đảm bảo hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được giao, góp phần thắng lợi cho hệ thống thương hiệu sản phẩm thép chữ V.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG 2018

A. Tình hình chung

1. Khó khăn

- Thị trường trong nước vẫn mang yếu tố cung vượt xa cầu, cạnh tranh ngày một khốc liệt hơn bởi có thêm nguồn cung từ việc tham gia của các dây chuyền sản xuất hiện đại có công suất cao. Giá cả cạnh tranh cũng biến động do chiến lược chiếm lĩnh thị phần và do sự tham gia nhiều sản phẩm mới.

- Cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm ngày càng khốc liệt, việc mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm làm biên lợi nhuận thu hẹp dần.

trường thép thành phẩm cạnh tranh mạnh hơn do cung vẫn vượt cầu bởi có thêm nhiều nhà sản xuất mới đã hoàn thiện đầu tư đi vào sản xuất, đầu tư công hạn chế do khó khăn trong giải ngân, bắt động sản có dấu hiệu kém khởi sắc...

- Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung làm ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu cũng như nguy cơ về thép nhập khẩu từ Trung Quốc. Các nhà sản xuất thuần cán vẫn còn lệ thuộc chủ yếu vào nguồn nguyên liệu trong nước và tiềm ẩn nhiều rủi ro khi khoảng chênh lệch giữa giá phôi và thành phẩm bị thu hẹp.

- Nguồn năng lượng (điện, gas) phục vụ cho sản xuất có nguy cơ thiếu hụt và tăng giá.

- Đặc điểm tình hình của Công ty trong năm 2019 vẫn chưa khả quan hơn vì vẫn phải chịu những khó khăn, bất lợi về trình độ công nghệ thiết bị, chi phí khấu hao và chi phí tài chính vẫn chiếm tỷ trọng cao trong giá thành, tình hình tiêu thụ sản phẩm khó dự báo.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 của Công ty và tình trạng ổn định của thiết bị - công nghệ - các chiến thuật, giải pháp đã áp dụng mang lại hiệu quả cao trong sản xuất - kinh doanh, sẽ tiếp tục được áp dụng và cải tiến trong năm 2019, HĐQT và Ban điều hành Công ty định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư cho năm 2019 như sau:

A/ Mục tiêu

- Sản xuất-tiêu thụ:

+ Sản xuất: 170.000 tấn thép cán

+ Tiêu thụ: 150.000 tấn thép cán

- Lợi nhuận trước thuế 07 tỉ đồng;

- Thu nhập bình quân của người lao động: tối thiểu bằng 105% năm 2018

- Triển khai và đưa vào hoạt động đúng tiến độ các hạng mục đầu tư.

Hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ tập trung lãnh đạo chỉ đạo vào các vấn đề sau:

1/ Về công tác pháp lý

- Tiếp tục bổ sung, cập nhật và hoàn thiện các văn bản pháp lý của Công ty theo các bộ luật mới bổ sung sửa đổi.

- Thường xuyên đổi mới, cập nhật chính sách kinh doanh của Công ty cho linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của đơn vị và nhu cầu của thị trường.

- Theo dõi, nắm bắt kịp thời các chính sách của Nhà nước (TW và địa phương), của Ngành để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương hướng hoạt động của đơn vị, nhất là các vấn đề liên quan đến hội nhập quốc tế.

2/ Về định hướng sản phẩm

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty đối với sản phẩm thép góc, củng cố và phát triển thị phần của Công ty trên thị trường tiêu thụ phía Nam từ miền Trung trở vào và tăng cường xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khu vực.

- Chú trọng phát triển thêm các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao như thép góc lớn, thép cuộn.

3/ Về công tác tài chính, vốn và tài sản

- Đẩy mạnh việc tiết kiệm các chi phí sản xuất, tăng vòng quay vốn, không để phát sinh nợ xấu, nợ khó thu hồi.

- Việc áp thuế tự vệ của Nhà nước lên phôi thép nhập khẩu từ 2016 vẫn tiếp tục làm biến động giá phôi nội địa, trong khi giá sản phẩm tăng chậm, làm giảm đáng kể hiệu quả trong kinh doanh.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao tại khu vực Nhơn Trạch, Long Thành khó tuyển.

2. Thuận lợi

- Thương hiệu chữ V ngày càng có vị trí và uy tín vững chắc trên thị trường tiêu thụ thép xây dựng và người tiêu dùng

- Sự liên kết trong hệ thống Tổng công ty có tác động tích cực trong hoạt động SXKD của Công ty, nhất là những thời điểm khó khăn.

- Thị trường xây dựng và BĐS có sự chuyển biến tích cực làm tăng nhu cầu về thép.

B. Những nội dung đã thực hiện

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

(Xin mời tham khảo các bản phụ lục của báo cáo)

2. Các hoạt động khác

- Về tài chính doanh nghiệp, thực hiện tốt các quy định về tài chính kế toán trong hoạt động SXKD và quy chế tài chính của Công ty, thường xuyên cải tiến các giải pháp tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện đầy đủ việc nộp thuế, nộp ngân sách Nhà nước, quản lý tốt công nợ, không phát sinh nợ xấu nợ khó đòi. Thực hiện tốt việc báo cáo tài chính định kỳ, kiểm kê, kiểm toán, kịp thời khắc phục các thiếu sót sau kiểm tra kiểm toán.

- Về quản trị chất lượng, thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001/2015, kiểm soát tốt sản phẩm trước khi đưa ra thị trường, có sự kết hợp chặt chẽ 3 bộ phận là Phòng QLCL – Phòng KHKD – PX cán trong việc tiếp thu, xử lý thông tin phản hồi của khách hàng về sản phẩm. Việc quản trị chất lượng được thực hiện có nề nếp đã đảm bảo uy tín về CLSP, hướng tới giảm thiểu khiếu nại khách hàng.

- Thiết bị máy cán được duy trì sản xuất ổn định, việc quản lý, sử dụng thiết bị máy cán, dầu nhớt, và thiết bị nâng được thường xuyên quan tâm đúng mức, cải tiến và nâng cao ý thức tiết kiệm trong sản xuất, nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, năng suất cán bình quân duy trì ổn định và đặc biệt là các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu đều giảm so với định mức. Đảm bảo an toàn bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, PCCN.

- Về công tác nhân sự, tiếp tục rà soát sắp xếp lao động phù hợp yêu cầu của sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc, công bằng, đúng quy định Nhà nước và quy chế của Công ty trong đào tạo, tuyển dụng, trả lương, thưởng và phúc lợi xã hội. Các chế độ chính sách về BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp, hưu trí, chăm sóc sức khỏe... được thực hiện nghiêm túc, đúng pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Phong trào thi đua yêu nước tiếp tục làm tốt việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân điển hình tiên tiến ở khu vực sản xuất, hướng cho người lao động vào các nội dung thi đua tiết kiệm giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm. Năm 2018, toàn Công ty có 32 CSTĐ cơ sở, 141 LĐTT, 4 tập thể và 5 cá nhân được Tổng Công ty Thép Việt Nam tặng Giấy khen, đề nghị Bộ Công thương tặng bằng khen cho 2 cá nhân và tặng danh hiệu CSTĐ ngành Công thương cho 1 cá nhân.

III. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ 2019

- Nhận định tình hình thị trường thép 2019 diễn biến phức tạp, thị trường nguyên liệu phôi thép bị chi phối bởi các nhà cung cấp với sản lượng lớn. Thuế tự vệ giảm dần theo lộ trình. Thị

- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn vay lãi suất hợp lý.
- Đẩy mạnh tiến độ đầu tư các hạng mục dở dang từ 2018

B/ Các giải pháp chủ yếu năm 2019

1. Công tác sản xuất tiêu thụ

- Phát huy tối đa thế mạnh dây chuyền công nghệ hiện tại, tăng năng suất giảm tiêu hao để đạt sản lượng tối ưu và chi phí sản xuất giảm thêm, có giá thành phù hợp để cạnh tranh tiêu thụ trong bối cảnh nguồn cung thép xây dựng tăng cao trong khi nhu cầu tăng chậm hơn.

- Tập trung công tác chuẩn bị sản xuất, cải tiến quy trình điều độ kế hoạch sản xuất hàng tháng, từng quy cách sản phẩm để giảm tối đa thời gian ngừng nghỉ máy thay đổi sản phẩm, tăng giờ chạy máy để nâng cao năng suất theo ca, theo ngày.

- Phối kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch tiêu thụ các sản phẩm và kế hoạch điều độ sản xuất đảm bảo đủ mặt hàng, quy cách sản phẩm theo nhu cầu tiêu thụ phát sinh trong kỳ, đặc biệt hai bộ phận Phòng KHKD và Phân xưởng phối hợp trong kế hoạch điều độ từng sản phẩm, quy cách.

- Thực hiện quy chế mua bán nguyên vật liệu, xây dựng quy trình mua phối – vật tư, nắm bắt kịp thời tình hình thị trường nguồn hàng và chủ động xây dựng kế hoạch đầu vào cũng như đầu mối cấp ổn định, uy tín và hiệu quả nhất.

- Phối hợp chặt chẽ hệ thống thép /V/ về nguồn phối, tiêu thụ thành phẩm tận dụng tối đa thế mạnh của 04 công ty sản xuất /V/, đặc biệt phương án gia công phù hợp với khả năng sản xuất và kế hoạch bán hàng công ty từng thời kỳ trong năm 2019.

2. Công tác kỹ thuật – cơ điện – chất lượng sản phẩm:

- Công tác quản lý thiết bị, chuẩn bị nguồn vật tư dự phòng thay thế đảm bảo được bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa chủ động kế hoạch không ảnh hưởng đến ngừng nghỉ máy nhiều do sự cố hư hỏng hay bị động trong sửa chữa bảo trì.

- Chuẩn bị kế hoạch bảo trì sửa chữa nâng cấp thiết bị đảm bảo đúng theo kế hoạch sửa chữa bảo trì năm 2019 công ty đã xây dựng, bố trí sắp xếp thời gian khoa học và phù hợp với chương trình kế hoạch sản xuất – tiêu thụ công ty.

- Giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm, giải quyết khiếu nại khách hàng về chất lượng khắc phục tình trạng chất lượng bề mặt, đóng bó, barem sản xuất đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn của hệ thống Thép Miền Nam /V/ ban hành.

- Đảm bảo kỷ luật lao động, an toàn lao động, nghiêm túc chấp hành các quy trình an toàn sản xuất và thường xuyên kiểm tra giám sát từng ca, từng công nhân trước trong và sau khi sản xuất để giảm thiểu tối đa vụ việc mất ATLĐ.

3. Công tác quản trị công ty

- Tuân thủ các quy định tài chính kế toán, phát huy vai trò giám sát chi phí, giá thành. Thực hiện cập nhật thống kê kịp thời số liệu chi phí, giá thành, phân tích tài chính, chi phí bán hàng tháng để tham mưu cho lãnh đạo có biện pháp tổ chức sản xuất kinh doanh đạt mục tiêu đề ra.

- Thực hiện kế hoạch tuyển dụng đào tạo công nhân, cán bộ quản lý theo các chương trình khóa đào tạo nghiệp vụ nhằm đảm bảo nguồn lực cho sản xuất khi mở rộng các sản phẩm năm 2019.

8.
B
L
CHI

- Xây dựng và trình duyệt kế hoạch lao động tiền lương mới phù hợp với hoạt động công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối đảm bảo mức tiền lương và thu nhập CBCN bằng và cao hơn năm 2018.

- Đảm bảo công tác bảo vệ ANTT, an toàn lao động, công tác tự vệ, PCCC đúng quy định pháp luật và nội quy cơ quan.

4. Công tác đầu tư

Thực hiện các hạng mục đầu tư theo kế hoạch được duyệt năm 2019.

- Phân đấu hoàn thành lắp đặt dây chuyền cán dây trong Quý 1/2019, đầu tháng 4/2019 chạy thử đưa vào hoạt động và có sản phẩm bán trong Quý 2/2019

- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 còn nhiều thử thách đòi hỏi tập thể CBCNV công ty phải nỗ lực phấn đấu từ khâu chỉ đạo, tổ chức, triển khai thực hiện và xử lý các giải pháp phát sinh mới đảm bảo thực hiện kế hoạch năm 2019 thắng lợi. Đề nghị trưởng bộ phận phòng ban, phân xưởng công ty xây dựng kế hoạch, biện pháp chi tiết để triển khai công việc đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ từng vị trí công tác góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về toàn bộ hoạt động của Công ty năm 2018 và định hướng nhiệm vụ 2019. Kính trình quý vị cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



M.S.D.N: 0305393838 - C.T.C.B
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP NHÀ BÈ
- VNSTEEL
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Chánh

Bảng phụ lục 1: KẾT QUẢ XSKD NĂM 2018

TT	Thép cán	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Năm 2018		So cùng kỳ năm 2017 (%)
				Thực hiện	So với KH (%)	
	- Thép góc	-nt-	24.000	26.184	109,10%	104,89
	- Thép cây vằn	-nt-	126.000	145.723	115,65%	116,89
	+ Sản xuất	-nt-		123.406		
	+ Gia công TMN	-nt-		22.317		
2	Tiêu thụ	Tấn	150.000	151.964	101,31%	103,99
	- Thép góc	-nt-	24.000	26.599	110,83%	106,98
	- Thép cây vằn	-nt-	126.000	125.365	99,50%	103,38
	Các chỉ tiêu tài					
3	chính					
	- Doanh thu thuần	Ti đồng	2.012	2.099	104,32%	122,32%
	- Lợi nhuận trước thuế	Ti đồng	12	17,764	148,03%	1266,14%

Bảng phụ lục 2: CÁC CHỈ TIÊU VỀ CLSP VÀ TIÊU HAO

Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm

Sản lượng (tấn)	Sản phẩm phù hợp (tấn)			Sản phẩm không phù hợp (tấn)
	Sản lượng	Loại 1	Loại 2	
172.066	171.907	169.991	1.916	159
Tỉ lệ % so với thực hiện	99,91%	98,79%	1,11%	0,09%

Các chỉ tiêu tiêu hao vật tư

Tên vật tư	Đvt	Định mức	Thực hiện	+/- So với định mức
Thép thỏi	Tấn/ tấn	1,037	1,0335	-0,0035
Gas	mmBtu/ tấn	1,197	1,210	0,013
Điện năng	Kwh/ tấn	98,35	96,956	-1,394

Tp.HCM, ngày 06 tháng 3 năm 2019.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Căn cứ các báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát năm 2018 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel, gồm 03 thành viên:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Thiệu | Trưởng ban. |
| 2. Ông Bùi Văn Vĩnh | Thành viên. |
| 3. Bà Cù Thị Thùy Linh | Thành viên. |

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác, cụ thể như sau:

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn.
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.
- Kiểm tra tình hình tồn kho, công nợ, chi phí trích trước.
- Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Hợp thảo luận các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.

Thù lao của các thành viên trong năm 2018, đã được chi trả đầy đủ và đúng theo mức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông (Trường ba do hưởng lương chuyên trách nên không có thù lao).

II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

1. Về tình hình tài chính:

Bảng CĐKT của Công ty ngày 31/12/2018

DVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Ngày	Ngày	+/-	%
		31/12/2018	31/12/2017		
A	TỔNG TÀI SẢN	564.646	439.061	125.585	28,60
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	421.149	287.840	133.309	46,31
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	28.460	22.407	6.053	27,01
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	183.064	117.386	65.678	55,95
3	Hàng tồn kho	173.697	130.891	42.806	32,70
4	Tài sản ngắn hạn khác	35.928	17.156	18.772	109,42
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	143.497	151.221	(7.724)	-5,11
1	Tài sản cố định	137.877	149.147	(11.270)	-7,56
	- Nguyên giá	297.601	294.004	3.597	1,22
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(159.724)	(144.857)	(14.867)	10,26
2	Bất động sản đầu tư	113	169	(56)	-33,14
	- Nguyên giá	1.478	1.478	0	0,00
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.365)	(1.309)	(56)	4,28
3	Tài sản dở dang dài hạn	5.507	1.905	3.602	189,08
B	TỔNG NGUỒN VỐN	564.646	439.061	125.585	28,60
I	NỢ PHẢI TRẢ	375.630	263.919	111.711	42,33
1	Nợ ngắn hạn	375.630	261.075	114.555	43,88
2	Nợ dài hạn		2.844	(2.844)	-100,00
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	189.016	175.142	13.874	7,92

Nhận xét:

1.1. Tài sản: Tổng tài sản của Công ty tăng 125.585 triệu đồng, tương ứng tăng 28,60%, sự biến động này là do Tài sản ngắn hạn tăng 133.309 triệu đồng, tương ứng tăng 46,31%; Tài sản dài hạn giảm 7.724 triệu đồng tương ứng giảm 5,11%; Phân tích chi tiết các khoản mục:

1.1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền: tăng 27,01%, tương ứng tăng 6.053 triệu đồng so với cùng kỳ. Số dư tại ngày 31/12/2018 bao gồm tiền mặt là 01 triệu đồng, tiền gửi ngân hàng là 28.459 triệu đồng.

1.1.2. Các khoản phải thu ngắn hạn: Tăng 65.678 triệu đồng, tương ứng tăng 55,95% so với cùng kỳ. Trong đó một số khoản mục chiếm tỉ trọng lớn là:

a/. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 177.944 triệu đồng, tăng 62.010 triệu đồng, tương ứng tăng 53,49%, chi tiết các khách hàng có khoản phải thu lớn:

+ Cty TNHH MTV Thép Miền Nam:	128.157 triệu đồng.
+ CH HH Supplies Buiding Materials (Cam):	5.901 triệu đồng.
+ TS Supply All Kind of Steel Co., LTD (Cam):	4.774 triệu đồng.
+ Chip Mong Group LTD (Campuchia):	10.129 triệu đồng.
+ Sing Sin Supply All Kind of Steels (Cam):	2.196 triệu đồng.
+ Cty TNHH MTV Phú Xuân Việt:	7.845 triệu đồng.
+ Cty CP Cơ Điện Hoàng Hưng:	16.709 triệu đồng.

Qua số liệu trên, ngoài số phải thu của Thép Miền Nam là tiền bán thép thanh vằn, toàn bộ các khách hàng còn lại là khách hàng thép góc, với tổng số nợ là 47.554 triệu đồng, tương đương doanh thu bình quân 1,5 tháng của thép góc, tuy nhiên số nợ này đã giảm so với cùng kỳ (48.379 tr.đ), công ty cần có biện pháp rút ngắn thời gian thu nợ đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

b/. Khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là 4.699 triệu đồng tăng 3.504 triệu đồng, tương ứng tăng 293,22% so với cùng kỳ, một số nhà cung cấp có số dư lớn:

+ Cty TNHH Kỹ thuật Điện Vạn Việt: 1.461 triệu đồng.

+ Cty CP CN và Tự động Đức Phong: 623 triệu đồng.

Qua số liệu trên đề nghị theo dõi các khoản ứng trước này để kiểm tra chất lượng, thời gian hoàn thành.

Để thấy rõ hơn, xét thêm chỉ tiêu số vòng quay các khoản phải thu và số ngày thu tiền bình quân:

DVT: Tr.đồng

Chỉ tiêu	2018	2017	+/-	%
Doanh thu thuần	2.098.961	1.185.427	913.534	77,06
Khoản phải thu đầu kỳ	117.386	35.602	81.784	229,72
Khoản phải thu cuối kỳ	183.064	117.386	65.678	55,95
Khoản phải thu bình quân	150.225	76.494	73.731	96,39
Số vòng quay	13,97	15,50	-1,52	-9,84
Số ngày thu tiền bình quân	25,77	23,23	2,54	10,91

Trong năm, khi doanh thu thuần tăng 77,06% thì khoản phải thu bình quân tăng tới 96,39% so với cùng kỳ, làm cho số vòng quay các khoản phải thu giảm 1,52 vòng, tương ứng số ngày thu tiền bình quân tăng lên 2,54 ngày. Điều này cho thấy lượng vốn bị ứ đọng của các khoản phải thu đã tăng so với cùng kỳ, làm giảm chu kỳ hoạt động thu hồi nợ thành tiền. Qua đó cho thấy vốn của Công ty đang bị khách hàng chiếm dụng với thời gian dài hơn so với năm trước, ảnh hưởng tới dòng vốn lưu động của công ty và làm tăng các chi phí.

1.1.3. Hàng tồn kho:

DVT: Tr.đồng

Stt	Nội dung	31/12/2018	31/12/2017	+/-	%
1	Nguyên vật liệu chính (Phôi)	98.500	28.250	70.250	248,67
2	VL phụ, phụ tùng thay thế	21.274	20.300	974	4,80
3	Phế liệu thu hồi	2.639	1.029	1.610	156,46
4	Công cụ, dụng cụ	421	402	19	4,73
5	Thành phẩm	48.780	68.228	-19.448	-28,50
6	Hàng gửi đi bán	2.083	12.682	-10.599	-83,58
	Tổng	173.697	130.891	42.806	32,70

Tổng giá trị hàng tồn kho đã tăng 42.806 triệu đồng so với cùng kỳ, tương ứng tăng 32,70%, trong đó chủ yếu là do tồn kho phôi tăng mạnh (phôi tăng 248,67%, thành phẩm giảm

28,50%); Giá trị vật tư phụ tùng thay thế tăng 974 triệu đồng so với cùng kỳ, giá trị tồn kho này vẫn rất lớn so với chi phí sử dụng bình quân hàng tháng (khoảng 2.028 tr.đ).

1.1.4. Tài sản ngắn hạn khác: Tăng 109,42%, tương ứng tăng 18.772 triệu đồng so với cùng kỳ, trong đó chiếm tỷ trọng lớn là thuế GTGT còn được khấu trừ với giá trị 33.333 triệu đồng (chiếm 92,78% tài sản ngắn hạn) và chi phí trả trước ngắn hạn là 2.289 triệu đồng.

1.1.5. Tài sản dài hạn: Giảm 7.724 triệu đồng, tương ứng giảm 5,11%, giảm do trích khấu hao và thanh lý TSCĐ là 14.923 triệu đồng, phân tăng TSCĐ mới và tăng chi phí XDDB dở dang là 7.199 triệu đồng.

1.2. Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn tăng 125.585 triệu đồng, tương ứng tăng 28,60%, sự biến động này chủ yếu là do nợ phải trả tăng 111.711 triệu đồng, tương ứng tăng 42,33%; Vốn chủ sở hữu tăng 13.874 triệu đồng, tương ứng tăng 7,92%; Phân tích chi tiết một số khoản mục:

1.2.1. Nợ phải trả: Tăng 42,33% so với cùng kỳ là do nợ ngắn hạn tăng 114.555 tr.đồng, tăng 43,88% và nợ dài hạn giảm 2.844 tr.đồng, giảm 100,00%; cụ thể một số chi tiêu chiếm tỷ trọng lớn và có sự tăng giảm nhiều so với cùng kỳ:

a/. Phải trả người bán ngắn hạn là 117.253 triệu đồng, giảm 26.455 triệu đồng, giảm 18,41% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 143.708 triệu đồng); chi tiết các khoản phải trả có giá trị lớn:

+ Cty TNHH MTV Thép Miền Nam:	12.158 triệu đồng.
+ Cty CP Thép An Hưng Tường:	36.898 triệu đồng.
+ Cty TNHH Thép An Khánh-CN ĐN:	19.303 triệu đồng.
+ Cty CP Thép và Khoáng sản Kinh Đô:	22.644 triệu đồng.
+ Cty CP Đầu tư Thương Mại SMC:	12.517 triệu đồng.
+ CN Cty CP phân phối khí thấp áp dầu khí VN:	4.312 triệu đồng.

Tổng số nợ trên là 107.832 triệu đồng, chiếm 91,97% tổng nợ phải trả người bán ngắn hạn, đây là các khoản mua nguyên liệu chính (phôi, khí gas), các khoản nợ trên đều chưa quá hạn và Công ty có đủ khả năng để thanh toán khi tới hạn.

b/. Người mua trả tiền trước là 1.813 triệu đồng tăng 859 triệu đồng, tăng 90,04% so với cùng kỳ.

c/. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 3.049 triệu đồng, tăng 1.568 triệu đồng tăng 105,87% so với cùng kỳ, chiếm tỉ trọng lớn (2.737 tr.đ) là số thuế TNDN phải nộp trong năm .

d/. Phải trả người lao động là 7.042 triệu đồng tăng 2.572 triệu đồng, tăng 57,54% so với cùng kỳ, do công ty hoàn thành kế hoạch nên đã cân đối và tăng được quỹ lương năm 2018.

e/. Chi phí phải trả ngắn hạn là 509 triệu đồng, giảm 68 triệu đồng, giảm 11,79% so với cùng kỳ, đây là tiền trích trước chi phí tiền điện nước và chi phí lãi vay.

f/. Phải trả ngắn hạn khác là 1.609 triệu đồng, giảm 14.818 triệu đồng, giảm 90,21% so với cùng kỳ, việc giảm này chủ yếu là khoản lãi 14.735 triệu đồng phải trả Tổng Công ty đã được Công ty trả hết trong năm.

g/. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn là 243.936 triệu đồng, tăng 150.870 triệu đồng tương ứng tăng 162,11% (cùng kỳ nợ 93.066 triệu đồng), cho thấy trong quý 4, do sản lượng tiêu thụ tăng nhu cầu vốn lưu động của công ty cho sản xuất cũng tăng cao, công ty đã sử dụng tốt nguồn vốn vay để quay vòng, toàn bộ số tiền trên là tiền vay ngân hàng và đều chưa quá hạn.

h/. Quỹ khen thưởng phúc lợi còn 420 triệu đồng tăng 28 triệu đồng, tăng 7,14%.

i/. Nợ dài hạn giảm 2.844 triệu đồng, giảm 100,00% so với cùng kỳ, là do khoản vay dài hạn này phải trả nợ gốc và được hạch toán chuyển sang nợ ngắn hạn vì sẽ phải trả trong năm 2019.

1.2.2. Vốn Chủ sở hữu: Tăng 13.874 triệu đồng, tương ứng tăng 7,92% so với cùng kỳ, toàn bộ là tiền lãi của công ty trong năm sau khi đã trích các quỹ 400 triệu đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018.

1.3. Các chỉ số tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	2018	2017	+/-
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	74,59	65,56	9,03
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	25,41	34,44	-9,03
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	66,52	60,11	6,41
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	33,48	39,89	-6,41
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh (Lần)	0,66	0,60	0,06
Khả năng thanh toán hiện hành (Lần)	1,12	1,10	0,02
Tỉ suất lợi nhuận			
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	2,53	0,99	1,54
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,68	0,25	0,43
Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH (%)	7,55	2,47	5,08
Lãi cơ bản trên cổ phiếu EPS (VNĐ)	1.243	342	901

Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn thay đổi nhiều, về tài sản tăng tỉ trọng ở tài sản ngắn hạn, giảm dài hạn, về nguồn vốn tăng tỉ trọng nợ phải trả, giảm nguồn vốn chủ sở hữu; Chỉ số khả năng thanh toán của Công ty đã tăng đảm bảo cho Công ty đủ khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn đến hạn thanh toán, các chỉ số về lợi nhuận và chỉ số lãi cơ bản trên cổ phiếu đều tăng so với cùng kỳ.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	2018	2017	+/-	%
1	Doanh thu thuần	2.098.961	1.719.899	379.062	22,04
2	Giá vốn	2.032.778	1.642.146	390.632	23,79
3	Lợi nhuận gộp	66.183	77.753	(11.570)	-14,88
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.480	620	860	138,71
5	Chi phí tài chính	11.463	9.414	2.049	21,77
	- Chi phí lãi vay	10.829	8.965	1.864	20,79
6	Chi phí bán hàng	19.785	20.154	(369)	-1,83
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.646	31.677	969	3,06
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	3.769	17.128	(13.359)	-78,00
9	Thu nhập khác	14.351	3.324	11.027	331,74
10	Chi phí khác	356	14.813	(14.457)	-97,60

11	Lợi nhuận khác	13.995	(11.489)	25.484	221,81
12	Lợi nhuận trước thuế	17.764	5.639	12.125	215,02
13	Thuế TNDN	3.490	1.313	2.177	165,80
14	Lợi nhuận sau thuế	14.274	4.326	9.948	229,96

- Doanh thu thuần tăng 22,04%, giá vốn tăng 23,79% so với cùng kỳ, làm cho lợi nhuận gộp giảm 14,88%, tương ứng giảm 11.570 triệu đồng. Để thấy được sự biến động của doanh thu sẽ phân tích các yếu tố làm tăng doanh thu thành phẩm:

Chỉ tiêu	2018	2017	+/-	%
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	151.964	146.131	5.833	3,99
Giá bán bình quân (tr.đ/tấn)	13,494	11,676	1,819	15,58
Doanh thu (tr.đ)	2.050.674	1.706.186	344.488	20,19
Ảnh hưởng SL đến DT (tr.đ)			68.105	3,99
Ảnh hưởng giá bán đến DT (tr.đ)			276.383	16,20

Qua phân tích cho thấy doanh thu tăng so với cùng kỳ là do: tăng sản lượng tiêu thụ 3,99% (5.833 tấn) đã làm doanh thu tăng 3,99% (68.105 tr.đ), trong khi giá bán bình quân tăng 15,58% làm cho doanh thu tăng 16,20% (tăng 276.383 tr.đ), tổng doanh thu thành phẩm tăng 344.488 triệu đồng tương ứng tăng 20,19% so với cùng kỳ.

Phân tích tỷ lệ đóng góp vào lợi nhuận gộp:

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	DT 2018	GV 2018	DT 2017	GV 2017	LNG 2018	LNG 2017	+/-
DT Thành phẩm	2.050.674	1.987.367	1.706.186	1.628.458	63.307	77.728	-14.421
DT thép ngắn, PP	30.647	30.649	13.383	13.632	-2	-249	247
DT dịch vụ	299	61	330	56	238	274	-36
DT Gia công	17.341	14.701			2.640		2.640
Tổng	2.098.961	2.032.778	1.719.899	1.642.146	66.183	77.753	-11.570

Doanh thu thép thành phẩm chiếm 97,70% tổng doanh thu, tạo ra lợi nhuận gộp chiếm 95,65% tổng lợi nhuận gộp, cùng kỳ lần lượt là 99,20 và 99,97%, cho thấy năm 2018 việc gia công cho Thép Miền Nam không chỉ cải thiện thu nhập của Người lao động, mà còn góp phần tạo ra 3,99% LN Gộp cho Công ty.

Phân tích khoảng chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các kỳ:

- + Sản lượng tiêu thụ 18/17 : 151.964/146.131 tấn.
- + CL giá bán và giá vốn 2018 : 416 đ/kg (13.494/13.078).
- + CL giá bán và giá vốn 2017 : 532 đ/kg (11.676/11.144).
- + Chênh lệch giảm : 116 đồng/kg.

Khoảng chênh lệch giữa giá bán và giá vốn giảm 21,80%, làm cho lợi nhuận gộp giảm 14,88% dù sản lượng tiêu thụ tăng 3,99% so với cùng kỳ, tuy nhiên khoảng chênh lệch bình quân năm đạt 416 đ/kg đã vượt mức 350 đ/kg, là ngưỡng mà công ty đang tính toán là hòa vốn.

- So với cùng kỳ, chi phí tài chính thuần tăng 13,52% (tăng 1.189 triệu đồng), tuy chi phí tài chính tăng (chủ yếu là lãi vay) nhưng để thấy được việc vay vốn ngân hàng là đòn bẩy mang lại hiệu quả, phân tích cụ thể như sau: Tổng số tiền vay đã giải ngân năm 2018 so với 2017 tăng 38,03% tương ứng tăng 606.506 triệu đồng, tuy nhiên chi phí lãi vay chỉ tăng 20,79% (tương ứng tăng 1.864 tr.đ), qua đó cho thấy tuy tổng số tiền vay tăng cao, nhưng công ty đã sử dụng hiệu quả góp phần vào lợi nhuận năm 2018.

Chi phí bán hàng giảm 1,83%, chi phí Quản lý Doanh nghiệp tăng 3,06%, trong khi đó doanh thu tăng 22,04%. Xét về tổng chi phí: Chi phí bán hàng, chi phí Quản lý Doanh nghiệp, chi phí tài chính thuần (chi phí gián tiếp):

+ Năm 2018 tổng chi phí là 62.414 triệu đồng, SLTT: 151.964 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,411 triệu đồng/tấn SP.

+ Năm 2017 tổng chi phí là 60.625 triệu đồng, SLTT: 146.131 tấn, bình quân chi phí gián tiếp là: 0,415 triệu đồng/tấn SP.

Như vậy so với cùng kỳ chi phí gián tiếp trên 1 tấn sản phẩm đã giảm 0,004 triệu đồng, góp phần làm tăng hiệu quả kinh doanh gần 608 tr.đ.

- Lợi nhuận khác tăng 25.484 triệu đồng, tương ứng tăng 221,81%, là do năm 2017 công ty phải hạch toán khoản lãi trả Tổng Công ty 14.735 tr.đ, còn trong năm nay công ty đã nhận được khoản tiền hỗ trợ, đền bù di dời là gần 14.000 tr.đ.

Nhờ lợi nhuận khác tăng cao nên tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 17.764 triệu đồng tương ứng tăng 215,02% (số lợi nhuận cùng kỳ đã được cập nhật lại theo số liệu của KTNN là 5.639 tr.đ), vượt 48,03% kế hoạch lợi nhuận năm 2018.

Nhận xét: Hiệu quả sản xuất kinh doanh quý 4 đạt kết quả tốt, góp phần tăng lợi nhuận cả năm, tuy nhiên hiệu quả hoạt động từ SXKD chính chỉ là 3.769 triệu đồng (chiếm 21,22% LNTT), giảm 78% tương ứng giảm 13.359 triệu đồng so với cùng kỳ, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc rất lớn vào thị trường, công ty vẫn phải luôn luôn chủ động kiểm soát tốt các yếu tố chủ quan và hạn chế tác động xấu của các yếu tố khách quan.

3. Đánh giá việc hoàn thành kế hoạch: DVT: Tấn

Chỉ tiêu	KH 2018	Thực hiện		So sánh (%)	
		2018	2017	TH/KH	2018/2017
Sản xuất	150.000	149.590	149.631	99,73	99,97
- Thép góc	24.000	26.184	24.963	109,10	104,89
- Thép thanh	126.000	123.406	124.668	97,94	98,99
Tiêu thụ	150.000	151.964	146.131	101,31	103,99
- Thép góc	24.000	26.599	24.863	110,83	106,98
- Thép thanh	126.000	125.365	121.268	99,50	103,38

Nhận xét: Sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ đều tăng so với cùng kỳ và tăng so với kế hoạch (công ty đã sản xuất 22.317 tấn thép gia công cho Thép Miền Nam, tối đa công suất cán), nhất là sản lượng tiêu thụ thép góc đã tăng trưởng 10,83% và 6,98% so với kế hoạch và cùng kỳ. Việc tăng được sản lượng tiêu thụ cho thấy công ty đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đề ra. Đa số các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính đều dưới định mức.

4. Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn:

4.1. Đầu tư và mua sắm TSCĐ:

Theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 03 năm 2018 và kế hoạch bổ sung, trong năm Công ty đã đầu tư cải tạo, mua mới 07 TSCĐ với tổng giá trị tài sản tăng mới là 3.951 triệu đồng, cụ thể:

- Giá cán GCC	: 891 tr.đ
- 02 Động cơ xoay chiều 3 pha	: 48 và 36 tr.đ
- Phần mềm quản trị tổng thể ERP ROSY	: 542 tr.đ
- Máy buộc thép	: 1.330 tr.đ
- Mờ rộng kho thép góc	: 894 tr.đ
- Bãi để phôi thép	: 210 tr.đ

Ngoài ra đã thanh lý 01 TSCĐ: Xe TOYOTA 15 chỗ với nguyên giá 355 triệu đồng, đã khấu hao hết.

Các hạng mục đang đầu tư dở dang có số dư đến ngày 31/12/2018 là 5.507 triệu đồng, chi tiết như sau:

- Dự án Bổ sung công đoạn luyện phôi thép	: 1.272 triệu đồng.
- Dự án cán cuộn	: 3.083 triệu đồng.
- Dự án Cụm máy nắn thẳng (cán góc lớn)	: 1.091 triệu đồng.
- Sửa chữa cải tạo TSCĐ khác	: 61 triệu đồng.

4.2. Công tác Sửa chữa lớn, Xây dựng cơ bản:

Theo kế hoạch Công ty có tổng cộng 10 hạng mục được phê duyệt, với tổng giá trị: 5.915 triệu đồng. Trong năm công ty đã và đang thực hiện cả 10 hạng mục với tổng giá trị quyết toán là 1.353 triệu đồng.

5. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018, ngày 27 tháng 03 năm 2018, các cổ đông đã bầu 05 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel, nhiệm kỳ 2018 - 2023, trong đó có 02 thành viên trực tiếp điều hành và 03 thành viên không điều hành. Ông Nguyễn Văn Chánh được bầu làm Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đã và đang cập nhật, rà soát sửa đổi lại các quy chế của Công ty cho phù hợp với các quy định hiện hành. Hội đồng quản trị cũng đã tổ chức họp định kỳ nhằm kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, và ban hành các Nghị quyết để chỉ đạo kịp thời.

Ban Tổng giám đốc đã đưa ra chủ trương, các quyết định chỉ đạo kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, bám sát biến động của thị trường nguyên vật liệu, thành phẩm, cụ thể bằng việc ký hợp đồng mua phôi thép với các công ty trong hệ thống, đảm bảo ổn định về số lượng hàng tháng và chất lượng tốt, đàm phán, thương lượng để có giá mua phôi hợp lý trong điều kiện giá thị trường lên xuống bất thường; Duy trì tốt công tác quản trị sản xuất, giảm các chỉ tiêu KTKT, giảm chi phí sản xuất, chi phí lãi vay, chi phí gián tiếp và đang xây dựng hệ thống quản trị rủi ro. Do ảnh hưởng của việc giảm quỹ lương 2017, nên thu nhập của người lao động trong 6 tháng đầu năm đã giảm so với cùng kỳ, để đảm bảo thu nhập, ổn định đời sống người lao động, giữ được nhân lực, thì ngoài việc sản xuất tiêu thụ theo kế hoạch bắt đầu từ tháng 5, Ban lãnh đạo Công ty đã tiến hành việc đàm phán gia công cán thép cho Thép Miền Nam trên công suất còn dư của dây truyền cán, tăng thêm quỹ lương cho Người lao động và cũng mang lại một khoản lợi nhuận nhất định cho công ty. Trong quý 4, nắm bắt thời cơ thuận lợi của thị trường Ban lãnh đạo đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác tiêu thụ, quay vòng vốn nhanh, tăng lượng mua dự trữ phôi hàng tháng, tối đa hóa lợi nhuận trong quý; Ban Tổng giám đốc cũng đã tích cực liên hệ, phối hợp, bám sát các Ban

ngành, Cơ quan Nhà nước của TP.HCM để thu được khoản tiền đền bù, hỗ trợ di dời công ty từ năm 2014 là 14 tỷ đồng, giúp hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2018

Thù lao của Hội đồng quản trị cho các Thành viên không quản lý trực tiếp đã được chi trả đầy đủ, theo đúng mức quy định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, các Thành viên khác tham gia điều hành trực tiếp được Công ty trả lương nên không có thù lao.

Trong quý 04 cũng như cả năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của Công ty; Ban kiểm soát cũng luôn nhận được sự phối hợp, ủng hộ từ phía Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ phận quản lý để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

III. Ý kiến của ban kiểm soát:

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ tăng mạnh so với cùng kỳ và đã đạt công suất tối đa (tính cả sản lượng gia công cho Thép Miền Nam), vì vậy theo Kế hoạch năm 2019 khi sản lượng sản xuất là 175.000 tấn, gồm cả cán hàng gia công, cán hàng xuất khẩu, cán hàng thương mại, cán thép góc xuất khẩu và nội địa, thép cuộn với nhiều mã hàng thì công ty cần đặc biệt chú trọng công tác điều độ sản xuất, giảm được tần suất đổi mặt hàng, nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng, nhất là đối với thép góc khi sản lượng cán không cao, chủng loại nhiều, nhân lực lại cần nhiều hơn so với cán thép thanh.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với Thép Miền Nam, điều tiết sản lượng tiêu thụ, đàm phán số lượng giá cả thép cán gia công để mang lại hiệu quả hợp lý nhất. Phân đầu tiêu thụ sản lượng thép góc cao hơn kế hoạch, tìm kiếm thêm khách hàng và thị trường mới.

- Duy trì các biện pháp quản trị nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao kim loại, giảm chi phí sản xuất, chi phí gián tiếp, giảm thời gian đổi mặt hàng, tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, công tác môi trường An toàn lao động, góp phần vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động.

- Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, tăng vòng quay nợ phải thu, không để phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, nợ vượt hạn mức bảo lãnh (cần rút ngắn thời gian thu hồi nợ đối với nhóm khách hàng Campuchia). Tìm nguồn vốn vay dài hạn cho các dự án đang đầu tư để đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Tiếp tục việc xin hoàn thuế GTGT.

- Hoàn thành sớm các dự án đang đầu tư, nhất là dự án cán cuộn; Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc đầu tư, sửa chữa lớn năm 2019 bài bản, sát với yêu cầu và thực lực tài chính của công ty.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên trong ban kiểm soát nhất trí thông qua.


Nguyễn Quốc Thiệu

Số: 04 -2019/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Căn cứ Điều 14 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

- | | |
|---|---------------------|
| 1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2018: | 14.273.903.638 đồng |
| 2. Dự kiến phân phối như sau: | |
| 2.1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi người lao động | 2.140.000.000 đồng |
| 2.2. Quỹ khen thưởng Ban điều hành | 280.000.000 đồng |
| 2.3. Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10 % | 11.500.000.000 đồng |
| 2.4. Lợi nhuận còn lại | 353.903.638 đồng |
| 3. Giao cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. | |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Chánh

Số: 06 -2019/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Căn cứ Điều 14 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

I. Tiền lương của thành viên chuyên trách HĐQT và Ban kiểm soát

1. Báo cáo mức chi năm 2018

- Chủ tịch HĐQT 40.000.000 đ/tháng
- Trưởng ban KS 27.000.000 đ/tháng

2. Dự kiến mức chi 2019 (Theo Nghị định 53/2016 và Thông tư 28/2016)

- Chủ tịch HĐQT 40.000.000 đ/tháng
- Trưởng ban kiểm soát 27.000.000 đ/tháng

II. Thù lao của thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách

1. Báo cáo mức chi thù lao năm 2018

- Ủy viên HĐQT 4.000.000 đ/th
- Ủy viên BKS 3.000.000 đ/th

2. Đề nghị mức thù lao năm 2019

- Thành viên HĐQT 4.000.000 đ/tháng
- Ủy viên BKS 3.000.000 đ/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết./.



Nguyễn Văn Chánh

Số: 05 -2019/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về Kế hoạch SXKD-tài chính-tiền lương và đầu tư 2019

Căn cứ Điều 14 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội cổ đông,

Hội đồng quản trị Công ty trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 về Kế hoạch SXKD-tài chính-tiền lương và đầu tư 2019 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh
 - Sản xuất: 170.000 tấn thép cán
 - Tiêu thụ: 150.000 tấn thép cán
 2. Kế hoạch tài chính:
 - Doanh thu: 2.089 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận trước thuế: 7 tỷ đồng;
 3. Kế hoạch tiền lương
 - Quỹ lương của người lao động: 33,16 tỷ đồng;
 - + Số lượng: 198 người;
 - + Mức lương bình quân: 13,96 triệu đồng/ người/ tháng;
 - Quỹ lương và thù lao viên chức quản lý: 2,45 tỷ đồng;
 4. Kế hoạch đầu tư:
 - Tổng vốn đầu tư: 6.172 triệu đồng, bao gồm 6 hạng mục đầu tư:
 - Giá cán K3
 - Giá cán K5
 - Cầu trục 5T – 15m
 - Cầu trục 15T – 23,2m
 - Xe ô tô 16 chỗ
 - Cải tạo cụm máy cán 70.000 tấn/năm (cụm giá cán K13)
 - Nguồn vốn:
 - + Vốn chủ sở hữu: 5.248 triệu đồng;
 - + Vốn vay thương mại: 924 triệu đồng.
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh

Số: 07 -2019/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2019

Căn cứ Điều 14 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL quy định quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ quy định của pháp luật quy định về điều kiện của các công ty kiểm toán được phép kiểm toán báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2019 như sau:

Với mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp và minh bạch trong hoạt động của Công ty, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty mỗi năm 2 lần (6 tháng và 1 năm), Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Chi nhánh: Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đồng Khởi, Q.1, Tp Hồ Chí Minh

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thảo luận và biểu quyết./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chánh



Số: 280219.003 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel được lập ngày 27 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Minh Quý
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		421.149.803.478	287.840.134.920
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.460.379.060	22.406.612.375
111	1. Tiền		28.460.379.060	22.406.612.375
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		183.064.254.076	117.386.695.571
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	177.943.745.975	115.934.337.139
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	4.699.027.666	1.195.449.267
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	421.480.435	256.909.165
140	IV. Hàng tồn kho	7	173.696.773.567	130.890.853.468
141	1. Hàng tồn kho		173.696.773.567	130.890.853.468
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.928.396.775	17.155.973.506
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.288.932.979	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		33.333.431.903	16.897.019.660
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	306.031.893	258.953.846
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		143.496.568.153	151.221.033.872
220	II. Tài sản cố định		137.876.852.742	149.147.171.682
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	137.380.477.742	149.147.171.682
222	- Nguyên giá		297.059.633.162	294.004.513.734
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(159.679.155.420)	(144.857.342.052)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	496.375.000	-
228	- Nguyên giá		541.500.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(45.125.000)	-
230	III. Bất động sản đầu tư	11	112.656.130	168.984.190
231	- Nguyên giá		1.478.303.812	1.478.303.812
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.365.647.682)	(1.309.319.622)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.507.059.281	1.904.878.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	5.507.059.281	1.904.878.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>564.646.371.631</u>	<u>439.061.168.792</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)



Thuyết minh	01/01/2018 (Đã điều chỉnh)	
	31/12/2018 VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ	375.630.099.283	263.918.800.082
310 I. Nợ ngắn hạn	375.630.099.283	261.075.287.991
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	13 117.252.949.356	143.708.240.856
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14 1.813.135.816	954.420.972
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15 3.048.828.022	1.481.150.251
314 4. Phải trả người lao động	7.041.858.323	4.470.156.503
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16 508.981.118	576.774.901
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	17 1.608.793.426	16.427.370.709
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18 243.935.795.183	93.065.620.460
322 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	419.758.039	391.553.339
330 II. Nợ dài hạn	-	2.843.512.091
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18 -	2.843.512.091
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	189.016.272.348	175.142.368.710
410 I. Vốn chủ sở hữu	19 189.016.272.348	175.142.368.710
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu	115.000.000.000	115.000.000.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	115.000.000.000	115.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần	7.094.556.539	7.094.556.539
414 3. Vốn khác của chủ sở hữu	10.530.817.232	10.530.817.232
415 4. Cổ phiếu quỹ	(99.898.530)	(99.898.530)
418 5. Quỹ đầu tư phát triển	1.146.563.861	1.146.563.861
421 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	55.344.233.246	41.470.329.608
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	41.070.329.608	37.144.811.863
421b LNST chưa phân phối năm nay	14.273.903.638	4.325.517.745
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	564.646.371.631	439.061.168.792

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Nguyễn Quốc Anh Dũng
Kế toán trưởng



Lê Việt
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018



	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.115.943.847.766	1.741.912.694.688
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	16.982.479.647	22.013.633.194
10 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.098.961.368.119	1.719.899.061.494
11 4. Giá vốn hàng bán	23	2.032.778.454.717	1.642.145.879.978
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		66.182.913.402	77.753.181.516
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.480.209.378	620.219.636
22 7. Chi phí tài chính	25	11.463.108.474	9.414.297.656
23 Trong đó: Chi phí lãi vay		10.829.485.469	8.964.760.854
25 8. Chi phí bán hàng	26	19.784.775.401	20.154.417.564
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	32.646.474.302	31.676.992.397
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.768.764.603	17.127.693.535
31 11. Thu nhập khác	28	14.351.334.040	3.323.827.638
32 12. Chi phí khác	29	356.032.712	14.812.648.792
40 13. Lợi nhuận khác		13.995.301.328	(11.488.821.154)
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.764.065.931	5.638.872.381
51 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	3.490.162.293	1.313.354.636
52 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.273.903.638</u>	<u>4.325.517.745</u>
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.243	377

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Nguyễn Quốc Anh Dũng
Kế toán trưởng



Lê Việt
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	17.764.065.931	5.638.872.381
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	15.278.132.142	14.806.407.751
03	- Các khoản dự phòng	-	(5.643.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(545.271.840)	12.704.562
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(59.983.026)	(126.382.848)
06	- Chi phí lãi vay	10.829.485.469	8.964.760.854
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	43.266.428.676	29.290.719.700
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(77.808.599.269)	(83.326.560.663)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(42.805.920.099)	9.107.595.809
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(39.902.337.628)	86.159.939.573
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(2.288.932.979)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	(10.615.759.530)	(8.882.466.983)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.922.484.522)	(1.318.902.088)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	116.488.250
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(371.795.300)	(2.190.891.250)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(132.449.400.651)	28.955.922.348
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(9.784.932.990)	(3.720.108.598)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	29.090.909	79.350.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	3.383.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	30.892.117	47.032.848
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(9.724.949.964)	(210.725.750)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	2.198.604.833.630	1.594.942.556.558
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(2.050.578.170.998)	(1.603.073.431.257)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(10.094.700)	(6.783.371.310)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	148.016.567.932	(14.914.246.009)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.842.217.317	13.830.950.589



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.406.612.375	8.575.697.704
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		211.549.368	(35.918)
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>28.460.379.060</u>	<u>22.406.612.375</u>

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Nguyễn Quốc Anh Dũng
Kế toán trưởng



Lê Việt
Tổng Giám đốc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2019